

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 321/2025/DS-PT

Ngày: 12/11/2025

V/v “yêu cầu thực hiện di chúc và
yêu cầu công nhận một phần di
chức”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Bình

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Thanh

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thủy Dung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Tiến Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 251/2025/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc: “yêu cầu thực hiện di chúc và yêu cầu công nhận một phần di chúc”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2025/DS-ST ngày 30/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Lâm Đồng) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 485/2025/QĐ-PT ngày 21/10/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1956.

Địa chỉ: G L, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh (Nay là G L, phường B, thành phố Hồ Chí Minh). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: C P, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (Nay là D P, Phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn T: Luật sư Trần Quang M, Luật sư Phạm Thị H – Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H; Địa chỉ: C L, phường B, thành phố Hà Nội. Luật sư M có mặt, Luật sư H vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1966

Địa chỉ: Hẻm G đường C, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (Nay là Hẻm G đường C, Phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng). Có mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm: 1968

Địa chỉ: A T, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (Nay là A T, Phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng). Có mặt.

3.3. Bà Nguyễn Thị Thu T3, sinh năm: 1969

Địa chỉ: E H, Phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (Nay là E H, Phường C - Đ, tỉnh Lâm Đồng). Có mặt.

3.4. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1970

Địa chỉ: C P, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (Nay là D P, Phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng). Có mặt.

3.5. Bà Lê Thị Y, sinh năm: 1963

Địa chỉ: D P, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (Nay là D P, Phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng). Có mặt.

3.6. Anh Nguyễn Văn Quốc B, sinh năm 1991

Địa chỉ: D P, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (Nay là D P, Phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng). Có mặt.

3.7. Anh Nguyễn Văn Quốc C, sinh năm 1997

Địa chỉ: D P, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (Nay là D P, Phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị Y, anh Nguyễn Văn Quốc B, anh Nguyễn Văn Quốc C: Luật sư Trần Quang M, Luật sư Phạm Thị H – Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H; Địa chỉ: C L, phường B, thành phố Hà Nội. Luật sư M có mặt, Luật sư H vắng mặt.

3.8. Văn phòng C3 (tên cũ và tên mới hiện nay là Văn phòng C4)

Địa chỉ: B P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (Nay là B P, Phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Cao Thị Hoàng N1, sinh năm 1975. Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn D, sinh năm 1974. Có mặt.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn N là nguyên đơn, ông Nguyễn Văn T là bị đơn và bà Nguyễn Thị T1, bà Lê Thị Y, anh Nguyễn Văn Quốc B, anh Nguyễn Văn Quốc C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:**

Bố ông N là ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1937, chết 21/6/2019. Mẹ ông là bà Bạch Thị X, sinh năm 1935, chết 26/9/2019. Bố mẹ ông là đồng chủ sở hữu quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số BH 273133 do Ủy Ban Nhân Dân T5 cấp ngày 05/1/2011. Ông Đ bà X có 6 người con, trước khi qua đời, bố mẹ ông có làm di chúc *“Sau khi chúng tôi qua đời thì tài sản thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của chúng tôi nêu trên sẽ dùng làm di sản thờ cúng. Chúng tôi chỉ định người thực hiện quản lý di sản là ông Nguyễn Văn N”* có chứng nhận ngày 25/07/2014 của văn phòng C5. Di chúc ngày 25/07/2014 thay thế cho di chúc ngày 18/09/2013 mà bố mẹ ông đã lập.

Ngày 23/06/2024 tại địa chỉ 34 Lê Hồng P nay là số C P, phường D, TP Đ, tỉnh Lâm Đồng anh em ông đã họp gia đình đầy đủ để công bố di chúc lập ngày 25/07/2014 là di chúc cuối cùng và mở thừa kế. Kết thúc buổi họp gia đình có 5/6 thành viên là ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị T2, bà Nguyễn Thị Thu T3 và ông Nguyễn Văn H1 đều đồng thuận thực hiện theo di chúc ngày 25/07/2014 của bố mẹ ông là giao toàn bộ di sản cho ông Nguyễn Văn N đứng ra quản lý theo chỉ định của di chúc. Trước buổi họp, bà Nguyễn Thị T1 tự nguyện giao mặt bằng đang kinh doanh (4m x 11m = 44m²) cho ông N. Ông Nguyễn Văn H1 cũng đã giao phần nhà ông H1 đang quản lý cho ông N. Riêng ông Nguyễn Văn T cho rằng di chúc cũ lập ngày 18/09/2013 vẫn có giá trị nên không đồng ý.

Nay ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn T phải thực hiện theo đúng di chúc cuối cùng của bố mẹ được lập ngày 25/07/2014. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Y giao nhà, đất thuộc thửa 129, tờ bản đồ 51 (D93-1-B-b) tọa lạc tại C L, Phường D, thành phố Đ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 273133 do Ủy ban nhân dân thành phố T5 cấp ngày 05/12/2011 cho ông quản lý để thực hiện việc thờ cúng.

Theo mảnh đo đạc chính lý tờ 51 (Đ3-I-B-b) do Văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 06/6/2025 thì phần nhà đất số (2) do vợ chồng ông T quản lý sử dụng với diện tích 32,9 m² thuộc thửa 129, tờ bản đồ số 51, phường D, thành phố Đ và 0.8 m² đất trong phạm vi lộ giới. Ông yêu cầu vợ chồng ông T, bà Y giao trả nhà đất theo mảnh đo đạc trên.

Ông thống nhất với mảnh đo đạc chính lý tờ 51 (Đ3-I-B-b) do Văn phòng

đăng ký đất đai lập ngày 06/6/2025 và chứng thư thẩm định giá do công ty TNHH T6 giá Năm Thành Viên.

Đối với căn nhà hiện vợ chồng ông T quản lý sử dụng, trước đây là quán ba mẹ ông làm để buôn bán. Tầng hầm và tầng trệt là bố mẹ tôi làm (mái tôn). Sau đó ông T ở thì có dỡ mái tôn làm thêm tầng trên (Nâng cao tầng áp mái xây gạch). Năm 2020, ông T xin phép tôi sửa chữa tôi không đồng ý, nhưng vẫn tự động làm (nâng cao tầng áp mái xây gạch). Nay ông và cô T1, cô T2, cô T3, em H1 sẽ có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông T số tiền 200.000.000 đồng (phần làm thêm của tầng áp mái xây gạch). Còn việc ông T cho rằng năm 2010 sửa lần 1 ông không biết.

Đối với nhà mà ông H1 ở và phần nhà bà Thanh quản L. Thì ông H1, bà T1 đã trả cho ông quản lý nên tôi không có tranh chấp gì đối với 2 người này.

Đối với yêu cầu phản tố của ông T: về việc yêu cầu công nhận một phần di chúc do cha mẹ lập ngày 18/9/2013 tại Văn phòng C4 đối với tài sản là căn nhà diện tích 30 m² xây dựng năm 1996 ông không đồng ý. Lý do toàn bộ di sản nhà đất tại thửa 129 tờ bản đồ số 51, phường D, thành phố Đ đã được ba mẹ ông di chúc lại cho ông quản lý.

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:**

Nhà và đất thuộc thửa 129, tờ bản đồ 51, tọa lạc tại 34 Lê Hồng P (nay là P), phường D, Đ, Lâm Đồng là của cha mẹ ông là ông Nguyễn Văn Đ và bà Bạch Thị X tạo dựng nên. Vào khoảng đầu tháng 05/1996, sau khi cha ông về nghỉ hưu có xin phép chính quyền địa phương dựng một căn nhà nhỏ có diện tích khoảng 30m² (5m x 6m) ở trước mặt đường, thời điểm này ông cũng nghỉ việc cơ quan cùng cha về nhà vì lý do sức khỏe. Do nghỉ việc không có việc làm và cũng không có chỗ ở, nên cha mẹ ông đã cho vợ chồng ông ra căn nhà này ở và buôn bán để kiếm thêm thu nhập nuôi sống gia đình. Ngoài ra, trên phần đất của cha, mẹ ông đã xây 1 căn nhà khang trang với tổng diện tích sàn 147,16 m² để cha mẹ ở và làm nơi thờ cúng.

Ngày 18/9/2013 cha mẹ ông đã ra văn phòng công chứng Vạn Tin lập di chúc để lại căn nhà diện tích sàn 147.16 m² làm nhà thờ cúng, còn căn nhà diện tích 30m² xây dựng năm 1996 cha mẹ cho ông được toàn quyền sở hữu, giao căn nhà sát bên cạnh nhà ông cho em gái là Nguyễn Thị Thanh V đã làm nhà ở ổn định trên 20 năm đồng thời chỉ định ông và em trai ông là Nguyễn Văn H1 có trách nhiệm trông coi, quản lý giữ gìn tôn tạo nhà thờ cúng.

Vào năm 2014 không hiểu vì lý do gì cha mẹ ông lập một di chúc khác tại văn phòng C5 với nội dung nhà và đất của cha mẹ tôi theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BH273133 dùng làm di sản thờ cúng và chỉ định anh trai ông là ông Nguyễn Văn N quản lý di sản thờ cúng. Di chúc này không đề cập đến căn nhà đã cho ông và cô T1 đã được xác định trong di chúc trước và cũng không hủy di chúc trước đó.

Việc cha mẹ lập di chúc chỉ định anh trai là người quản lý di sản ông không có ý kiến gì bởi lẽ với suy nghĩ anh T4 là người đứng đầu trong gia đình và tiếp nhận

việc thờ cúng là phù hợp, đồng thời lúc đó cha mẹ có nói phần căn nhà của ông cha mẹ đã cho nên gia đình ông được ở trong căn nhà này và phụ giúp anh trai quản lý, thực hiện việc thờ cúng, vì anh trai tôi ở xa không thường xuyên lo được. Do vậy ông yên tâm ở trong căn nhà này đã gần 30 năm và làm tròn trách nhiệm phụng dưỡng cha, mẹ lúc còn sống cũng như thờ cúng khi đã qua đời.

Trong quá trình sử dụng căn nhà này, gia đình ông đã tiến hành sửa chữa 02 lần vì nhà xuống cấp. Lần 1 vào năm 2010 và lần 2 vào năm 2020 gia đình ông đã sửa chữa lại gác. Việc ông sinh sống, sửa chữa căn nhà này tất cả các anh chị em trong gia đình đều biết và không có ý kiến gì ngay khi cha mẹ còn sống cũng như sau khi cha mẹ qua đời.

Với di nguyện của cha mẹ, để tài sản là nhà dùng vào việc thờ cúng ông hoàn toàn đồng ý và thống nhất bởi lẽ ông là người sống với cha mẹ từ nhỏ đến lớn, chăm sóc cha mẹ từ lúc khỏe mạnh cho đến lúc ốm đau và qua đời.

Đề nghị Tòa án xem xét đến việc tài sản trên đất là căn nhà diện tích 30 m² ba mẹ xây dựng năm 1996 có xác nhận của UBND phường và đã được chỉ định cho ông tại bản di chúc lập ngày 18/9/2013 và văn phòng C4 khi thực hiện công chứng có đo vẽ cụ thể, đây là ý chí, nguyện vọng của cha mẹ ông vì cha mẹ biết ông không còn khả năng lao động, gia đình rất khó khăn, vợ chồng ông chỉ có một căn nhà này để sinh sống.

Mặt khác, ông N ở S được chỉ định là người quản lý di sản, ba mẹ mất đến nay đã 5 năm nhưng mỗi năm chỉ về có một hai lần rồi đi vào dịp giỗ của cha mẹ, chỉ có ông và em trai là Nguyễn Văn H1 trông coi quản lý với trách nhiệm của người con đối với cha mẹ.

Gia đình chúng tôi không tranh giành gì tài sản của cha mẹ để lại, phần nhà và đất phía sau của cha mẹ ông từ trước tới nay vẫn làm nơi thờ cúng ông không tranh giành gì với ông N đối với phần di sản này.

Hiện nay tại căn nhà 30m² cả gia đình ông gồm vợ con đang sinh sống.

Ông thống nhất với mảnh đo đạc chính lý tờ 51 (Đ3 – I – B – b) do Văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 06/6/2025 và chứng thư thẩm định giá do công ty TNHH T6 giá Năm Thành Viên.

Ông yêu cầu: Công nhận một phần di chúc do cha mẹ ông lập ngày 18/9/2013 tại Văn phòng C4 đối với tài sản là căn nhà diện tích khoảng 30 m² xây dựng năm 1996 (được UBND phường xác nhận) mà cha mẹ cho tôi được toàn quyền sở hữu.

Đối với việc làm căn nhà hiện vợ chồng tôi đang quản lý thì năm 1996 cha mẹ ông khởi công làm, ông cũng có công đóng góp vào làm sau khi làm xong ba mẹ cho vợ chồng ông ở từ đó cho đến nay. Năm 2010 tôi sửa nhà như xây gạch, ta luy. Tuy nhiên ông cũng không có chứng cứ gì chứng minh về việc xây dựng này. Không có yêu cầu gì đối với việc sửa chữa năm 2010.

Riêng năm 2020 thì vợ chồng ông có sửa chữa (nâng cao tầng áp mái xây gạch) theo mô tả của chứng thư thẩm định giá.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị T1 trình**

bày:

Bà T1 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông N. Trước đây bà có xây dựng một căn nhà để làm ăn vào năm 1988 (căn nhà có diện tích $4m \times 11m = 44m^2$). Nay bà đã tự nguyện bàn giao nhà đất này cho ông N quản lý để dùng vào việc thờ cúng. Khi lập di chúc năm 2014 thì bố mẹ bà đã đi khám sức khỏe và có tham khảo luật sư rồi đến văn phòng công chứng để lập di chúc. Vì vậy di chúc năm 2014 là hoàn toàn đúng quy định pháp luật nên bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra tôi không tranh chấp với ai và không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Thu T3 trình bày:**

Bà T3 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trước đây ông T đã thường xuyên bạo hành bố mẹ bà nên sau đó bố mẹ bà đã đến phòng y tế để khám sức khỏe rồi cùng luật sư đến văn phòng C6 để lập di chúc 2014. Vì vậy di chúc năm 2014 là hoàn toàn đúng quy định pháp luật. Ngoài ra bà không tranh chấp với ai và không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị T2 trình bày:

Bà T2 ở cùng với bố mẹ đến năm 1995, sau đó mới ra ở riêng. Khi lập di chúc năm 2014 thì bố mẹ bà đã đi khám sức khỏe và có tham khảo luật sư rồi đến văn phòng công chứng để lập di chúc. Vì vậy di chúc năm 2014 là hoàn toàn đúng quy định pháp luật nên bà hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra bà không tranh chấp với ai và không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Văn H1 trình bày:**

Ông H1 ở cùng với bố mẹ tại C P, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng từ năm 2009. Khi về ở thì ông chỉ sơn sửa lại nhà chứ không xây dựng gì thêm.. Ông đã bàn giao nhà đất cho ông N quản lý để thờ cúng, không liên quan gì đến vợ chồng ông nữa. Đối với di chúc năm 2014 là hoàn toàn đúng quy định pháp luật nên ông hoàn toàn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra ông không tranh chấp với ai và không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Lê Thị Y trình bày:** bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà thống nhất với ý kiến của chồng bà là ông T. Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Năm 2020 khi vợ chồng bà sửa nhà, vợ chồng bà có xin phép ông N nhưng nay ông N nói vợ chồng bà tự động xây là không đúng. Đối với sàn xây dựng tầng trệt có thay nền gạch, trần la phong gỗ, cầu thang gỗ, cửa ra vào sắt kéo là vợ chồng bà sửa nhưng nay ông N và những người khác không thừa nhận thì bà không có ý kiến gì, không tranh chấp gì.

Tại Bản án số 48/2025/DS-ST ngày 30/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lâm Đồng) đã xử:

“1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn

N với bị đơn ông Nguyễn Văn T.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Y, anh Nguyễn Văn Quốc B, anh Nguyễn Văn Quốc C1 giao nhà đất với diện tích 32,9 m² thuộc thửa 129, tờ bản đồ số 51, phường D, thành phố Đ cho ông Nguyễn Văn N quản lý theo di chúc 25/07/2014 (kèm theo mảnh đo đạc chính lý tờ 51 (Đ3 - I - B - b) do Văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 06/6/2025).

Buộc ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn T bà Lê Thị Y số tiền 508.527.189 đồng (Năm trăm lẻ tám triệu năm trăm hai mươi bảy ngàn một trăm tám mươi chín đồng)

Vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Y, anh Nguyễn Văn Quốc B, anh Nguyễn Văn Quốc C được quyền lưu cư trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Bác yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn T đối với yêu cầu công nhận một phần Di chúc do cụ Nguyễn Văn Đ, cụ Bạch Thị X lập ngày 18/9/2013 tại Văn phòng C4 đối với tài sản là căn nhà đất diện tích khoảng 30 m² xây dựng năm 1996”

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 14/7/2025, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N kháng cáo yêu cầu sửa một phần toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông N phải trả số tiền 508.527.189 đồng mà tách ra để giải quyết bằng vụ án khác.

- Ngày 11/7/2025, bị đơn ông Nguyễn Văn T kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N và chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T.

- Ngày 11/7/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Y, ông Nguyễn Văn Quốc C2, ông Nguyễn Văn Quốc B1 kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N và chấp nhận yêu cầu phản tố của ông T.

- Ngày 11/7/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo yêu cầu sửa một phần toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không buộc ông N phải trả số tiền 508.527.189 đồng mà tách ra để giải quyết bằng vụ án khác.

- Ngày 11/7/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C3 kháng cáo yêu cầu sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Văn N, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Văn

T.

Tại phiên tòa, Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Y, anh Nguyễn Văn Quốc B, anh Nguyễn Văn Quốc C, Nguyễn Thị T1, Văn phòng C3 vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn T đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông T và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N với lý do: Di chúc lập năm 2013 được lập đúng quy định của pháp luật. Di chúc lập 2014 không đề cập đến các căn nhà đã cho ông T, bà T1. Ông T, bà Y được cho sử dụng căn nhà để ở từ năm 1997 đến nay, quá trình sử dụng đã sửa chữa, thay mới nhiều lần và hoàn cảnh của gia đình không có chỗ ở nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa của Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và kháng cáo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T và kháng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Y, anh Nguyễn Văn Quốc B, anh Nguyễn Văn Quốc C, Văn phòng C3 về bác yêu cầu khởi kiện của ông N. Sửa bản án dân sự sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của N và bác yêu cầu phản tố của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Y, anh Nguyễn Văn Quốc B, anh Nguyễn Văn Quốc C, Nguyễn Thị T1, Văn phòng C3 đúng thời hạn luật định, thủ tục kháng cáo, kháng nghị được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn Quốc C, A Nguyễn Văn Quốc B là người kháng cáo vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng C3 vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn giao nhà đất cho nguyên đơn quản lý theo di chúc, bị đơn không đồng ý và phản tố yêu cầu công nhận một phần di chúc nên Tòa cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *“yêu cầu thực hiện di chúc và yêu cầu công nhận một phần di chúc”* là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn và kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn:

[4.1] Về di sản thừa kế, hàng thừa kế:

Cụ Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1930, chết ngày 20/6/2019; vợ cụ Đ là bà Bạch Thị X, sinh năm 1935, chết ngày 26/9/2019. Cụ Đ, cụ X có 06 người con gồm: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1965; ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963; bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1966; bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1968; bà Nguyễn Thị Thu T3, sinh năm 1969; ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1970.

Tài sản của Cụ Đ, cụ X có 01 lô đất có diện tích 206,52m², thuộc thửa đất số 129, tờ bản đồ số 51 (D1), phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng đã được UBND thành phố T5 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BH 273133 ngày 05/01/2011, diện tích đất được cấp 206,52m² đất ở đô thị, diện tích nhà ở gồm diện tích xây dựng 73,58m², diện tích sàn 147,16m², số tầng 01 trệt, 01 lầu; đây là di sản của vợ chồng cụ Nguyễn Văn Đ, cụ Bạch Thị X. Trước khi chết, Cụ Đ, cụ X có lập 02 Di chúc cụ thể như sau:

- Di chúc lập ngày 18/9/2013, với nội dung:

“1. Phần nhà hiện hữu có diện tích xây dựng 73,58m², diện tích sàn 147,16m², gồm 01 trệt, 01 lầu được dùng làm nhà thờ cúng, giao cho hai người con trai là Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn H1 cùng có trách nhiệm trông coi, quản lý, giữ gìn tôn tạo và thờ phụng ba mẹ. Phần nhà này được làm nhà thờ cúng nên không được đem bán, chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp, cầm cố dưới bất kỳ hình thức nào. Chỉ khi nào trong số các con của chúng tôi không có nhà cửa để ở thì được những người chúng tôi chỉ định thừa kế trên đây tạo điều kiện để về ở, người được về phải có trách nhiệm trông coi, quản lý, giữ gìn tôn tạo và thờ phụng như chúng tôi đã nêu trên đây.

2. Phần đất mặt tiền đường Pasteur, có chiều ngang phía trước 5m, phía sau 6m giáp hẻm cà phê Sunny hiện nay vợ chồng con trai chúng tôi là Nguyễn Văn T đang quản lý sử dụng (Trên phần đất này vợ chồng Nguyễn Văn T đã làm nhà ở và kinh doanh ổn định 16 năm) thì chúng tôi cho con trai chúng tôi là Nguyễn Văn T toàn quyền sở hữu.

3. Phần đất trống liền kề phần đất cho ông Nguyễn Văn T có chiều ngang 4m, dài 11m, chúng tôi cho con gái ruột của chúng tôi là Nguyễn Thị T1 vì Nguyễn Thị T1 đã làm nhà hiện hữu trên diện tích đất trên 20 năm nay.”

Di chúc được Văn phòng C4 chứng thực ngày 18/9/2013.

- Di chúc lập ngày 25/7/2014, với nội dung:

Tài sản được định đoạt theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BH 273133 ngày 05/01/2011, diện tích đất được cấp 206,52m² đất ở đô thị, diện tích nhà ở gồm diện tích xây dựng 73,58m², diện tích sàn 147,16m², số tầng 01 trệt, 01 lầu.

“Sau khi chúng tôi qua đời thì tài sản thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của chúng tôi nên trên sẽ dùng làm di sản thờ cúng. Chúng tôi chỉ định người thực hiện quản lý di sản là ông Nguyễn Văn N”.

Di chúc được Văn phòng C5 chứng thực ngày 25/7/2014.

[4.2] Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, thẩm định giá di sản thừa kế tại giai đoạn sơ thẩm thể hiện:

- Hiện trạng thừa đất số 129, tờ bản đồ số 51 (D1), phường D có 03 khối nhà gồm:

+ Khối nhà thứ 1: Nhà xây, diện tích 150m², kết cấu 01 trệt, 01 lầu do ông Nguyễn Văn H1 quản lý đã được cấp quyền sở hữu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BH 273133 ngày 05/01/2011 cấp cho vụ Đ, cụ X.

+ Khối nhà thứ 2: Nhà xây, diện tích 101,1m², kết cấu 01 hầm, 01 trệt, 01 lầu do ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Y quản lý và chưa được cấp quyền sở hữu, nguồn gốc do cụ Đ, cụ X làm sau đó cho ông T, bà Y ở, quá trình sử dụng có sửa chữa, thay mới.

+ Khối nhà thứ 3: Nhà xây, diện tích 52,8m², kết cấu 01 hầm, 01 lầu do bà Nguyễn Thị Thanh quản lý và chưa được cấp quyền sở hữu, nguồn gốc do bà T1 làm.

- Theo kết quả đo đạc hiện trạng thừa đất số 129, tờ bản đồ số 51 (D1), phường D có tổng diện tích là 225,9m² (đã trừ lộ giới)

- Theo kết quả thẩm định giá tài sản thể hiện: Giá trị đất là 2.520.543.635 đồng. Giá trị nhà khối nhà thứ 2 làm vào khoảng năm 1996 đến năm 2020 được sửa chữa thay thế nền gạch, trần la phong gỗ, cầu thang gỗ, cửa ra vào sắt kéo, xây nâng cao tầng áp mái, sàn làm bằng khung sắt, sàn giả, lót sàn làm bằng la phong, cửa sổ, mái ngói có tổng giá trị là 508.527.191 đồng.

[4.3] Xét yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn T bà Lê Thị Y giao trả nhà đất thuộc khối nhà thứ 2 nêu trên để ông quản lý theo di chúc thì thấy rằng:

Theo di chúc lập ngày 25/07/2014, chỉ định đoạt di chúc dùng vào việc thờ cúng là diện tích đất 206,52m², diện tích nhà ở 73,58m², diện tích sân 147,16m², số tầng 01 trệt, 01 lầu thuộc căn nhà khối thứ 1 nêu trên và di chúc chỉ định ông Nguyễn Văn N là người quản lý di sản để thờ cúng theo quy định tại khoản 1 Điều 616, khoản 1 Điều 645 của Bộ luật dân sự.

Như vậy, di chúc không giao quyền sở hữu nhà, đất mà chỉ giao cho ông N quản lý di sản để thờ cúng và Di chúc không định đoạt căn nhà ông T, bà Y đang quản lý sử dụng thuộc khối thứ 2 và căn nhà khối thứ 3 nêu trên là di sản dùng vào việc thờ cúng.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất nhà do cụ Đ, cụ X làm năm 1996, sau đó giao cho ông T, bà Y ở từ năm 1997, quá trình sử dụng, ông T, bà Y có sửa chữa thay mới năm 2020. Quá trình cho ở không lập giấy tờ, không xác định thời hạn, điều này phù hợp với nội dung tại hai Di chúc nêu trên.

Như vậy, ông T là người thừa kế di sản, đồng thời là người chiếm hữu, quản

lý, sử dụng di sản thừa kế thuộc khối nhà thứ 2 theo hợp đồng nên được tiếp tục sử dụng di sản theo thỏa thuận trong hợp đồng với người để lại di sản là cụ Đ, cụ X theo quy định tại khoản 1 Điều 616 của Bộ luật dân sự.

Do đó, ông N yêu cầu ông T, bà Y, anh C, anh B giao nhà đất để thực hiện thờ cúng theo di chúc là không có cơ sở nên cần bác yêu cầu khởi kiện, kháng cáo của ông Nguyễn Văn N.

[4.4] Xét yêu cầu phản tố, yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T yêu cầu thực hiện một phần di chúc lập ngày 18/9/2013 đối với căn nhà đất diện tích 30m² là do cha mẹ cho:

Theo phân tích tại mục [4.1] nêu trên thì Cụ Đ, cụ X có lập 02 Di chúc định đoạt một tài sản và được chứng thực đúng quy định. Di chúc lập ngày 25/7/2014 không có nội dung thay thế Di chúc lập ngày 18/9/2013. Do đó, căn cứ khoản 5 Điều 643 của Bộ luật dân sự để xác định di chúc lập sau cùng có hiệu lực là Di chúc lập ngày 25/7/2014.

Ngoài ra, theo phân tích tại mục [4.2] nêu trên thì căn nhà ông T, bà Y, anh C, anh B đang chiếm hữu, quản lý, sử dụng không thuộc di sản dùng vào thờ cúng, tuy nhiên diện tích đất gắn liền với căn nhà thuộc di sản dùng vào thờ cúng nên không được chia theo quy định khoản 1 Điều 645 của Bộ luật dân sự.

Do đó, cần bác yêu cầu phản tố, yêu cầu kháng cáo của ông T và chấp nhận kháng cáo của ông T đối với nội dung bác yêu cầu khởi kiện của ông N.

[5] Từ những phân tích tại mục [4] nêu trên, xét kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ thể như sau:

Đối với kháng cáo của bà Lê Thị Y, ông Nguyễn Văn Quốc C, ông Nguyễn Văn Quốc B kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông N là có cơ sở nên được chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm không buộc ông N phải trả số tiền 508.527.189 đồng mà tách ra để giải quyết bằng vụ án khác và kháng cáo của Văn phòng C3 kháng cáo yêu cầu sửa bản án dân sự sơ theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Văn N, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Văn T là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[6] Từ những căn cứ trên, cần sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2025/DS-ST ngày 30/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lâm Đồng) theo nhận định trên.

[7] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, thẩm định giá tài sản với tổng số tiền là 35.844.728 đồng do ông Nguyễn Văn N nộp tạm ứng nhưng cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết về nghĩa vụ phải chịu chi phí tố tụng là chưa quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm ông N tự nguyện nhận chịu toàn bộ chi

phí tố tụng. Do đó, buộc ông N phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Ông N đã nộp và được quyết toán xong.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố và kháng cáo không được chấp nhận nên ông N, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm. Tuy nhiên, ông N, ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm theo Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đối với kháng cáo của bà Lê Thị Y, ông Nguyễn Văn Quốc C, ông Nguyễn Văn Quốc B được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Y là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho anh C, anh Bảo toàn B2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1, Văn phòng C3 không được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T1 và Văn phòng C3 (nay là Văn phòng C4). Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn T; chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Y, anh Nguyễn Văn Quốc C, anh Nguyễn Văn Quốc B; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2025/DS-ST ngày 30/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lâm Đồng). Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N đối với yêu cầu buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Y, anh Nguyễn Văn Quốc B, anh Nguyễn Văn Quốc C giao nhà đất với diện tích 32,9 m² thuộc một phần thửa đất đất số 129, tờ bản đồ số 51, phường D, thành phố Đ cho ông Nguyễn Văn N quản lý theo di chúc 25/07/2014.

2. Bác yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn T đối với yêu cầu công nhận một phần Di chúc do cụ Nguyễn Văn Đ, cụ Bạch Thị X lập ngày 18/9/2013 tại Văn phòng C4 đối với tài sản là căn nhà đất diện tích 32,9 m² thuộc một phần

thửa đất số 129, tờ bản đồ số 51, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn N Phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và thẩm định giá tài sản với tổng số tiền là 35.844.728 đồng. Ông Nguyễn Văn N đã nộp và được quyết toán xong.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn N.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn Quốc B số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000877 ngày 21/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn Quốc C số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000876 ngày 21/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị T1 phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002653 ngày 25/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Buộc Văn phòng C3 (tên cũ và tên mới hiện nay là Văn phòng C4) phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002678 ngày 26/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC (01);
- VKSND tỉnh LD (01);
- TAND khu vực 1 - Lâm Đồng (02);
- Phòng TT, KT&THA (02);
- Phòng THA khu vực 1 - Lâm Đồng (02)
- Các đương sự (10);
- Lưu AV – HC (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đặng Ngọc Bình